

Số: 17 /TB-MNSL

Sơn Tây, ngày 18 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG TRẺ
Năm học: 2025-2026

Căn cứ quyết định số: 21/QĐ-MNSL ngày 4 tháng 5 năm 2026 của Trường MN Sơn Long về việc kiểm tra một số hoạt động của nhà trường trong tháng 05 năm 2026.

Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại các nhóm lớp;

Nay Trường MN Sơn Long thông báo kết quả kiểm tra chất lượng trẻ theo các lĩnh vực phát triển như sau:

I. Thời gian kiểm tra

Thời gian thực hiện: Từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 5 năm 2026

Đối tượng kiểm tra: Tất cả trẻ tại các nhóm lớp.

II. Nội dung đánh giá

1. Đánh giá trẻ theo các mục tiêu thuộc 5 lĩnh vực phát triển:

Phát triển thể chất

Phát triển nhận thức

Phát triển ngôn ngữ

Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

Phát triển thẩm mỹ

2. Đánh giá chất lượng thực hiện bài tập thông qua vở học của trẻ tại lớp.

III. Kết quả đánh giá chung toàn trường:

1. Về số liệu:

Tổng số trẻ : 133 trẻ

Số trẻ được đánh giá:

+ Lớp MG lớn A: 14/14 trẻ

+ Lớp MG lớn B: 10/10 trẻ

+ Lớp MG ghép A: 18/18 trẻ

+ Lớp MG ghép B: 14/14 trẻ

+ Lớp MG ghép 3+4T A: 22/22 trẻ

+ Lớp MG ghép 3+4T B: 15/15 trẻ

+ Lớp MG ghép 3+4T C : 10/10 trẻ

+ Lớp NT 24-36th: 30/30 trẻ.

2. Chất lượng đánh giá:

(Có phụ lục kèm theo)

IV. Nhận xét

Ưu điểm:

- Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, môi trường và tổ chức kiểm tra nhẹ nhàng, tạo tâm lý thoải mái cho trẻ.
- Nội dung đánh giá bám sát 5 lĩnh vực phát triển của trẻ: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ phù hợp với mục tiêu của từng độ tuổi.
- Phần lớn trẻ đạt được các mục tiêu cuối độ tuổi; nhiều trẻ mạnh dạn, tự tin, có kỹ năng giao tiếp và kỹ năng học tập tốt.
- Giáo viên theo dõi, ghi chép kết quả tương đối đầy đủ, phản ánh được mức độ phát triển của từng trẻ.

Hạn chế:

- Một số trẻ còn nhút nhát, thiếu tự tin khi tham gia các hoạt động kiểm tra nên kết quả chưa phản ánh đúng khả năng thực tế trẻ có
- Kỹ năng ngôn ngữ, diễn đạt, tập trung chú ý của một số trẻ còn hạn chế.
- Chất lượng giáo dục giữa các lớp chưa đồng đều; một số lớp có tỷ lệ trẻ chưa đạt còn hạn chế các mục tiêu chiếm tỷ lệ tương đối cao so với các lớp còn lại.

Nguyên nhân:

- Một số trẻ khả năng tiếp thu còn chậm, chưa mạnh dạn, tự tin khi tham gia hoạt động.
- Một số giáo viên chưa có kinh nghiệm trong đổi mới phương pháp giảng dạy.
- Sự phối hợp của một số phụ huynh với giáo viên chưa thường xuyên; việc rèn kỹ năng cho trẻ ở gia đình còn hạn chế.
- Sĩ số trẻ ở một số lớp còn đông nên việc quan tâm, hỗ trợ cá nhân cho từng trẻ chưa thật sự đầy đủ.

V. Đề xuất:

- Đề nghị giáo viên tiếp tục bồi dưỡng trẻ yếu trong thời gian học còn lại. Đến hki kết thúc năm học nhà trường sẽ thực hiện kiểm tra lại



Bùi Thị Tuyết Nhung



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TRẺ CUỐI ĐỘ TUỔI

(Kèm theo thông báo số 17/TB-MNSL ngày 18 tháng 5 năm 2026 về thông báo kết quả kiểm tra chất lượng trẻ năm học 2025-2026

T T	Lớp	TS trẻ	TS trẻ được đánh giá	Lĩnh vực phát triển thể chất				Lĩnh vực phát triển nhận thức				Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng, xã hội				Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				Chất lượng thực hiện bài tập thông qua vở học			
				Đạt	Tỉ lệ	CD	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	CD	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	CD	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	CD	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	CD	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	CD	Tỉ lệ
1	MG lớn A	14	14	13	93%	1	7%	13	93%	1	7%	14	100%	0	0%	13	93%	1	7%	13	93%	1	7%	13	93%	1	7%
2	MG lớn B	10	10	10	100%	0	0%	10	100%	0	0%	10	100%	0	0%	10	100%	0	0%	10	100%	0	0%	10	100%	0	0%
3	Mg ghép A	18	18	16	89%	2	11%	16	89%	2	11%	16	89%	2	11%	16	89%	2	11%	16	89%	2	11%	17	94%	1	6%
4	Mg ghép B	14	14	12	86%	2	14%	15	94%	1	6%	15	94%	1	6%	15	94%	1	6%	15	94%	1	6%	15	94%	1	6%
5	MG ghép 3+4T A	22	22	18	82%	4	18%	21	95%	1	5%	22	100%	0	0%	21	95%	1	5%	21	95%	1	5%	20	91%	2	9%
6	MG ghép 3+4T B	15	15	11	73%	4	27%	14	93%	1	7%	14	93%	1	7%	14	93%	1	7%	14	93%	1	7%	14	93%	1	7%
7	MG ghép 3+4T C	10	10	9	90%	1	10%	9	90%	1	10%	9	90%	1	10%	9	90%	1	10%	9	90%	1	10%	9	90%	1	10%
8	NT 24-36th	30	30	24	80%	6	20%	28	93%	2	7%	28	93%	2	7%	28	93%	2	7%					28	93%	2	7%
Tổng cộng		133	133	113	84,6%	20	15,4%	124	93,2%	9	6,8%	127	95,5%	6	4,5%	124	93,2%	9	6,8%	126	92,2%	7	7,8%	124	93%	9	7%